

DANH SÁCH SINH VIÊN THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH A2-B1

Ngày thi:23/08/2020 Ca thi: (09:10 - 12:30) Giảng Đường:PM 201 Phần thi: Nói

STT	SBD	Mã Sinh viên	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Mã đề	Chữ ký	Điểm thi bằng		Sửa chữa sai sót (nếu có)
											số	chữ	
1	1	DTN1658520007	Bàng Tiến Anh		06/11/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên					
2	2	DTN1453110180	Hoàng Quỳnh Anh		22/12/1996	Nữ	Kinh	Quảng Ninh					
3	3	DTN1653170012	Lương Đức Anh		18/02/1998	Nam	Tày	Thái Nguyên					
4	4	DTN1653070048	Nguyễn Tiến Anh		05/09/1998	Nam	Kinh	Nam Định					
5	5	DTN1353050007	Nguyễn Tuấn Anh		25/05/1993	Nam	Kinh	Điện biên					
6	6	DTN1653040116	Tạ Tuấn Anh		04/04/1998	Nữ	Kinh	Bắc Giang					
7	7	DTN1553040140	Trương Hồng Anh		18/10/1997	Nữ	Kinh	Điện biên					
8	8	DTN1430A0023	Vĩ Đức Biểu		05/11/1995	Nam	Tày	Cao Bằng					
9	9	DTN1653050441	Lê Thanh Bình		26/12/1998	Nam	Kinh	Lạng Sơn					
10	10	DTN1353110026	Nguyễn Văn Chiến		13/02/1994	Nam	Kinh	Thái Nguyên					
11	11	DTN1454120026	Đào Sỹ Cương		12/04/1996	Nam	Kinh	Ninh Bình					
12	12	DTN1553050025	Nguyễn Mạnh Cường		06/03/1997	Nam	Kinh	Hà Nội					
13	13	DTN1454110008	Hoàng Tiến Đạt		25/11/1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên					
14	14	DTN1653040123	Hoàng Văn Dong		25/11/1998	Nam	Tày	Bắc Kạn					
15	15	DTN1653050279	Nguyễn Thanh Dung		17/06/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên					
16	16	DTN1554120032	Hoàng Văn Dương		12/03/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên					
17	17	DTN1653040091	Nguyễn Thị Ngọc Hà		15/07/1998	Nữ	Kinh	Bắc Ninh					
18	18	DTN1658510027	Tổng Văn Hà		30/04/1998	Nam	Kinh	Hà Giang					
19	19	DTN1053130004	Nguyễn Vũ Hiệp		22/10/1992	Nam	Kinh	Thái Nguyên					
20	20	DTN1553110017	Đỗ Đức Hiếu		30/08/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên					
21	21	DTN1553050081	Ngô Trung Hiếu		02/03/1997	Nam	Kinh	Hà Nội					
22	22	DTN1653110023	Nông Chí Hiếu		21/04/1998	Nam	Nùng	Thái Nguyên					
23	23	DTN1553070061	Lù A Hờ		05/06/1996	Nam	H'Mông	Lai Châu					
24	24	DTN17VB2306001	Đinh Thu Hoài		14/10/1985	Nữ	Tày	Thái Nguyên					
25	25	DTN1653170015	Hoàng Văn Hoàn		01/12/1996	Nam	Tày	Hà Giang					
26	26	DTN1353110131	Ngân Bá Huân		15/08/1995	Nam	Tày	Cao Bằng					
27	27	DTN1553040164	Đàm Thu Huế		12/05/1997	Nữ	Tày	Cao Bằng					
28	28	DTN1353160037	Hà Duy Huệ		14/07/1995	Nam	Tày	Bắc Kạn					
29	29	DTN1654140014	Hoàng Thị Kim Huệ		19/05/1997	Nữ	Tày	Bắc Kạn					
30	30	DTN1653110009	Cao Mạnh Hùng		04/05/1998	Nam	Kinh	Hà Giang					
31	31	DTN1554140094	Nông Văn Hùng		28/10/1997	Nam	Tày	Bắc Kạn					
32	32	DTN1553170014	Trần Tuấn Hùng		01/12/1996	Nam	Tày	Bắc Kạn					
33	33	DTN1553050103	Nguyễn Sơn Hưng		08/01/1997	Nam	Khmer	Cao Bằng					
34	34	DTN1653160009	Trương Văn Hưng		15/07/1998	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên					
35	35	DTN17VB2306003	Nguyễn Thị Hương		20/09/1988	Nữ	Kinh	Thái Nguyên					
36	36	DTN1653050116	Nguyễn Văn Kiên		18/09/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên					
37	37	DTN1553050142	Dương Thùy Linh		05/04/1997	Nữ	Kinh	Hà Nội					
38	38	DTN1658510022	Nguyễn Khánh Linh		29/08/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên					
39	39	DTN1653070086	Nguyễn Xuân Linh		08/05/1998	Nam	Tày	Thái Nguyên					
40	40	DTN1653050455	Giảng A Lử		21/06/1997	Nam	Mông	Sơn La					

41	41	DTN1553050148	Nguyễn Hoàng	Luân	21/10/1997	Nam	Tây	Thái Nguyên						
42	42	DTN1653070077	Vương Thế	Lương	08/01/1998	Nam	Tây	Hà Giang						
43	43	DTN1153100048	Pào Văn	Minh	05/04/1993	Nam	Tây	Lào Cai						
44	44	DTN1653060018	Trần Công	Minh	07/07/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên						
45	45	DTN1653080010	Dương Thị	Mơ	23/09/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên						
46	46	DTN1553050166	Nguyễn Hải	Nam	17/10/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên						
47	47	DTN1353050226	Đoàn Xuân	Nguyên	07/10/1995	Nam	Kinh	Bắc Kạn						
48	48	DTN1554140033	Chu Thị	Nhân	21/11/1997	Nữ	Tây	Lạng Sơn						
49	49	DTN1653050291	Đinh Văn	Nhật	12/06/1997	Nam	Kinh	Ninh Bình						
50	50	DTN1653070014	Đỗ Văn	Nhật	12/10/1996	Nam	Kinh	Huế						
51	51	DTN1553040053	Đào Thị	Ninh	20/02/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên						
52	52	DTN17VB2306008	Nông Thanh	Oai	15/01/1989	Nam	Tây	Thái Nguyên						
53	53	DTN1653040037	Đàm Oanh	Phúc	20/03/1997	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên						
54	54	DTN1653110043	Nông Thiện	Quân	05/07/1998	Nam	Tây	Cao Bằng						
55	55	DTN1553050206	Đoàn Văn	Quỳnh	29/06/1996	Nam	Kinh	Nghệ An						
56	56	DTN1554120149	Hoàng Thị	Quỳnh	28/01/1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên						
57	57	DTN1153180078	Lục Thế	Quỳnh	26/11/1990	Nam	Nùng	Lạng Sơn						
58	58	DTN1653040080	Phạm Hoàng	Sơn	09/06/1998	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên						
59	59	DTN1654110062	Thào Mí	Súng	05/09/1996	Nam	HMông	Hà Giang						
60	60	DTN1554110060	Sùng A	Tả	05/10/1997	Nam	HMông	Lai Châu						
61	61	DTN17LT305011	Vũ Duy	Thái	09/11/1996	Nam	Kinh	Hà Nội						
62	62	DTN1653040142	Hoàng Thị	Thắm	10/03/1998	Nữ	Nùng	Thái Nguyên						
63	63	DTN1653140001	Lưu Chí	Thắng	23/06/1998	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên						
64	64	DTN1454120324	Vũ Hải	Thanh	01/12/1996	Nam	Kinh	Thái Bình						
65	65	DTN1653070022	Đinh Quang	Thịnh	13/02/1998	Nam	Tây	Lạng Sơn						
66	66	DTN1353060066	Nguyễn Chí	Thức	21/05/1994	Nam	Tây	Thái Nguyên						
67	67	DTN1653110035	Hoàng Lệ	Thùy	17/01/1998	Nữ	Tây	Thái Nguyên						
68	68	DTN1553050255	Lò Đức	Tĩnh	16/08/1996	Nam	Thái	Yên Bái						
69	69	DTN1553050271	Bùi Anh	Tú	29/08/1997	Nam	Kinh	Điện biên						
70	70	DTN1653110022	Phạm Minh	Tuấn	06/11/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên						
71	71	DTN1153180118	Nguyễn Anh	Tùng	13/09/1993	Nam	Kinh	Thái Nguyên						
72	72	DTN1654110012	Nguyễn Hoàng	Tùng	05/09/1998	Nam	Kinh	Nghệ An						
73	73	DTN1653040048	Hoàng Hữu	Tường	25/05/1997	Nam	Tây	Hà Giang						
74	74	DTN1653070076	Vương Văn	Tuyên	20/10/1997	Nam	Tây	Hà Giang						
75	75	DTN1653040024	Ngô Công	Văn	20/02/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên						
76	76	DTN1653040056	Nghiêm Xuân	Việt	11/05/1998	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc						
77	77	DTN1653040017	Tạ Thành	Việt	28/11/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên						
78	78	DTN1554120240	Nguyễn Cao	Vũ	03/10/1997	Nam	Kinh	Tuyên Quang						
79	79	DTN1653040079	Đinh Hữu	Vỹ	04/07/1998	Nam	Nùng	Thái Nguyên						